ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Biểu số 67/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG QUẬN - HUYỆN NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ	**16.519.754**	**12.518.968**	**4.000.786**	**-**	**4.000.786**	**2.965.789**	**1.034.997**	**-**	**16.519.754**	**12.518.968**	**4.000.786**	**-**	**4.000.786**	**2.965.789**	**1.034.997**	**-**	***100%***	***100%***	***100%***		***100%***	***100%***	***100%***	
1	Quận 1	10.161	-	10.161	-	10.161	6.000	4.161	-	10.161	-	10.161	-	10.161	6.000	4.161	-	*100%*		*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
2	Quận 2	339.769	232.771	106.998	-	106.998	86.212	20.786	-	339.769	232.771	106.998	-	106.998	86.212	20.786	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
3	Quận 3	51.552	20.000	31.552	-	31.552	10.729	20.823	-	51.552	20.000	31.552	-	31.552	10.729	20.823	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
4	Quận 4	397.595	322.605	74.990	-	74.990	23.520	51.470	-	397.595	322.605	74.990	-	74.990	23.520	51.470	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
5	Quận 5	480.692	414.335	66.357	-	66.357	25.430	40.927	-	480.692	414.335	66.357	-	66.357	25.430	40.927	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
6	Quận 6	699.607	586.829	112.778	-	112.778	73.393	39.385	-	699.607	586.829	112.778	-	112.778	73.393	39.385	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
7	Quận 7	322.441	152.630	169.811	-	169.811	165.631	4.180	-	322.441	152.630	169.811	-	169.811	165.631	4.180	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
8	Quận 8	820.094	654.765	165.329	-	165.329	84.818	80.511	-	820.094	654.765	165.329	-	165.329	84.818	80.511	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
9	Quận 9	748.292	585.712	162.580	-	162.580	128.970	33.610	-	748.292	585.712	162.580	-	162.580	128.970	33.610	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
10	Quận 10	338.641	298.270	40.371	-	40.371	34.319	6.052	-	338.641	298.270	40.371	-	40.371	34.319	6.052	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
11	Quận 11	642.019	539.669	102.350	-	102.350	50.687	51.663	-	642.019	539.669	102.350	-	102.350	50.687	51.663	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
12	Quận 12	948.074	699.035	249.039	-	249.039	214.244	34.795	-	948.074	699.035	249.039	-	249.039	214.244	34.795	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
13	Phú Nhuận	221.215	188.697	32.518	-	32.518	25.900	6.618	-	221.215	188.697	32.518	-	32.518	25.900	6.618	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
14	Gò Vấp	1.089.262	952.774	136.488	-	136.488	99.115	37.373	-	1.089.262	952.774	136.488	-	136.488	99.115	37.373	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
15	Bình Thạnh	485.595	314.214	171.381	-	171.381	133.619	37.762	-	485.595	314.214	171.381	-	171.381	133.619	37.762	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
16	Tân Bình	558.598	494.654	63.944	-	63.944	59.108	4.836	-	558.598	494.654	63.944	-	63.944	59.108	4.836	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
17	Tân Phú	711.321	597.846	113.475	-	113.475	48.630	64.845	-	711.321	597.846	113.475	-	113.475	48.630	64.845	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
18	Bình Tân	962.203	766.437	195.766	-	195.766	150.593	45.173	-	962.203	766.437	195.766	-	195.766	150.593	45.173	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
19	Thủ Đức	970.262	692.704	277.558	-	277.558	252.411	25.147	-	970.262	692.704	277.558	-	277.558	252.411	25.147	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
20	Củ Chi	1.445.958	1.173.926	272.032	-	272.032	121.939	150.093	-	1.445.958	1.173.926	272.032	-	272.032	121.939	150.093	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
21	Hốc Môn	1.122.418	990.409	132.009	-	132.009	54.592	77.417	-	1.122.418	990.409	132.009	-	132.009	54.592	77.417	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
22	Bình Chánh	1.186.811	969.641	217.170	-	217.170	126.631	90.539	-	1.186.811	969.641	217.170	-	217.170	126.631	90.539	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
23	Nhà Bè	747.984	392.425	355.559	-	355.559	326.550	29.009	-	747.984	392.425	355.559	-	355.559	326.550	29.009	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	
24	Cần Giờ	1.219.188	478.620	740.568	-	740.568	662.748	77.820	-	1.219.188	478.620	740.568	-	740.568	662.748	77.820	-	*100%*	*100%*	*100%*		*100%*	*100%*	*100%*	